

THE CURRENT STATUS OF CONTRACEPTIVE USE AMONG THIRD-YEAR MEDICAL STUDENTS AT THAI NGUYEN UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY

Le Thi Thanh Hoa*, Dang Thi Thuy Kieu, Truong Thi Thuy Duong, Do Van Ham,
Nguyen Thi Quynh Hoa, Ha Xuan Son, Nguyen Viet Quang, Hoa Thi Hong Hanh,
Than Duc Manh, Nguyen Thi Hong Nhung
TNU - University of Medicine and Pharmacy

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 09/4/2024 Revised: 22/5/2024 Published: 23/5/2024	This study was conducted to describe the current status of contraceptive use among third-year medical students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy in 2023 through interview with a set of questions. A cross-sectional study was conducted among 711 third-year students from July 2023 to January 2024. This study uses a pre-designed set of questions. The students were allowed to sit in their seats, ensuring a distance so that they did not know the results of the person next to them and they filled in their own answers on the interview form. The information filled in by students is guaranteed to be confidential. The use of contraceptives among third-year students at Thai Nguyen University of Medicine and Pharmacy is not frequent. 26.4% of students have ever had sex, of which 72.9% used contraception for the first time and 62.2% regularly used contraception. Condoms were the most frequently used contraceptive method (71.8%). There is a relationship between knowledge with the frequency of contraceptive use with $p < 0.05$. It is necessary to strengthen health education communication interventions for students.
KEYWORDS	
Contraceptive methods	
Medical students	
Third-year	
Condom	
Frequency of contraceptive use	

THỰC TRẠNG SỬ DỤNG CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI Ở SINH VIÊN Y KHOA NĂM THỨ BA, TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC THÁI NGUYÊN

Lê Thị Thanh Hoa*, Đặng Thị Thúy Kiều, Trương Thị Thùy Dương, Đỗ Văn Hàm,
Nguyễn Thị Quỳnh Hoa, Hà Xuân Sơn, Nguyễn Việt Quang, Hòa Thị Hồng Hạnh,
Thân Đức Mạnh, Nguyễn Thị Hồng Nhung
Trường Đại học Y Dược - ĐH Thái Nguyên

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 09/4/2024 Ngày hoàn thiện: 22/5/2024 Ngày đăng: 23/5/2024	Nghiên cứu này được thực hiện nhằm mô tả thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai ở sinh viên y khoa năm thứ ba, Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên năm 2023 thông qua phỏng vấn bằng bộ câu hỏi. Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 711 sinh viên chính quy năm thứ 3, chuyên ngành Y khoa từ tháng 07/2023 đến tháng 01/2024. Sử dụng bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn. Các sinh viên được ngồi tại chỗ, đảm bảo khoảng cách để các sinh viên không biết kết quả trả lời của người bên cạnh và tự điền câu trả lời vào phiếu phỏng vấn. Các thông tin trả lời của sinh viên được đảm bảo bí mật. Kết quả cho thấy, việc sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên năm thứ 3 Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên chưa thường xuyên. Có 26,4% sinh viên đã từng quan hệ tình dục, trong đó 72,9% đã sử dụng biện pháp tránh thai trong lần đầu tiên và 62,2% thường xuyên sử dụng các biện pháp tránh thai. Bao cao su là biện pháp tránh thai được sử dụng thường xuyên nhất (71,8%). Có mối liên quan giữa kiến thức với mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai với $p < 0,05$. Cần phải tăng cường can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe cho sinh viên.
TỪ KHÓA	
Biện pháp tránh thai	
Sinh viên y khoa	
Năm thứ ba	
Bao cao su	
Mức độ sử dụng biện pháp tránh thai	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.10082>

* Corresponding author. Email: linhtrang249@gmail.com

1. Đặt vấn đề

Việc thanh thiếu niên quan hệ tình dục sớm và không an toàn có thể để lại những hậu quả nghiêm trọng cho bản thân họ, cũng như là gánh nặng cho gia đình và toàn xã hội. Thậm chí ngay cả khi có sử dụng biện pháp tránh thai vẫn có khả năng mang thai ngoài ý muốn. Một trong các thách thức của công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam hiện nay là tỉ lệ nạo phá thai còn tương đối cao [1], [2]. Năm 2024, nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hà cho thấy học sinh tại 4 trường trung học phổ thông tại thành phố Thái Nguyên có 5,4% đã từng quan hệ tình dục, trong đó tuổi quan hệ tình dục lần đầu từ 13 - 15 tuổi chiếm 59,6%, có sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên chỉ chiếm 39,3% [3]. Theo Phạm Thị Bảo An (2022), tỉ lệ sinh viên có quan hệ tình dục là 16,1%, trong đó có 16,7% không sử dụng biện pháp tránh thai [4]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Thúy Hạnh có tới 74,2% phụ nữ mang thai ngoài ý muốn dẫn đến phá thai có sử dụng biện pháp tránh thai [5]. Nghiên cứu của Nguyễn Minh Khang trên đối tượng sinh viên Y khoa năm thứ tư trường Đại học Trà Vinh cho thấy, tỉ lệ sinh viên có sử dụng biện pháp tránh thai trong quan hệ tình dục lần đầu là 87,4%. Martinez nghiên cứu trên đối tượng vị thành niên/ thanh niên Hoa Kỳ với tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên ở nam là 89% và nữ là 78% [6], [7]. Điều này cho thấy việc nghiên cứu về thực hành sử dụng biện pháp tránh thai là hết sức cần thiết.

Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên là nơi đào tạo nhân lực y tế với số lượng người học đa dạng về dân tộc, tôn giáo và hoàn cảnh sống. Sinh viên được đào tạo để chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tuy nhiên sức khỏe của bản thân người học là rất quan trọng. Câu hỏi được đặt ra ở đây là thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên Y khoa hiện nay ra sao? Để trả lời cho câu hỏi trên, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm mục tiêu: *Mô tả thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai ở sinh viên Y khoa năm thứ ba, Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên năm 2023.*

2. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là sinh viên chính quy năm thứ 3, chuyên ngành Y khoa của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên chưa từng kết hôn, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Lý do chúng tôi chọn sinh viên năm thứ 3 vì đây là đối tượng đã có thời gian tương đối dài (2 năm) làm quen với môi trường học tập, môi trường sống và chuẩn bị bước sang giai đoạn học tập mới (học lâm sàng), với môi trường mới, có thể sẽ thay đổi thói quen, lối sống của sinh viên.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.

Thời gian nghiên cứu: Từ tháng 07 năm 2023 đến tháng 01 năm 2024.

2.3. Phương pháp nghiên cứu: Thiết kế nghiên cứu cắt ngang.

2.4. Cơ mẫu và cách chọn mẫu nghiên cứu

Tổng số có hơn 800 sinh viên y khoa năm thứ 3. Chọn có chủ đích toàn bộ sinh viên chính quy năm thứ ba chuyên ngành Y khoa của Trường Đại học Y - Dược Thái Nguyên.

Kết quả chọn được 711 sinh viên thỏa mãn tiêu chuẩn chọn đưa vào nghiên cứu.

2.5. Biến số, chỉ số nghiên cứu

- Tỉ lệ sinh viên đã từng quan hệ tình dục.
- Tỉ lệ sinh viên sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên. Trong đó, lần quan hệ tình dục đầu tiên là lần đầu tiên sinh viên bắt đầu có hành vi quan hệ tình dục với bạn tình.
- Tỉ lệ các biện pháp tránh thai sinh viên đã từng sử dụng.

- Tỷ lệ các mức độ sử dụng biện pháp tránh thai. Trong đó, mức độ sử dụng biện pháp tránh thai thường xuyên là sử dụng các biện pháp tránh thai $\geq 70\%$ số lần quan hệ tình dục; không thường xuyên là sử dụng các biện pháp tránh thai $< 70\%$ số lần quan hệ tình dục.

- Mỗi liên quan giữa đặc điểm cá nhân và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai.
- Mỗi liên quan giữa kiến thức và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai.

2.6. Tiêu chí đánh giá [2]

Kiến thức sử dụng biện pháp tránh thai:

- Kiến thức tốt: Đạt tổng số ≥ 8 điểm trong tổng số 10 điểm câu hỏi kiến thức.
- Kiến thức chưa tốt: Đạt tổng số < 8 điểm trong tổng số 10 điểm câu hỏi kiến thức.

2.7. Kỹ thuật thu thập số liệu

Lên danh sách các lớp sinh viên Y khoa năm thứ 3. Dựa trên lịch học tập của sinh viên, liên hệ thầy/cô phụ trách buổi giảng để tiến hành thu thập số liệu vào cuối giờ học.

Sử dụng bộ câu hỏi đã được thiết kế sẵn, nhóm nghiên cứu giải thích lý do nghiên cứu và các hướng dẫn về quy trình đảm bảo bí mật thông tin, động viên sinh viên tham gia trả lời phỏng vấn.

Các sinh viên được ngồi tại chỗ, đảm bảo khoảng cách để các sinh viên không biết kết quả trả lời của người bên cạnh.

Sinh viên tự điền câu trả lời vào phiếu phỏng vấn.

2.8. Xử lý số liệu

Xử lý số liệu bằng chương trình phần mềm SPSS 25.0 cho các thông tin mô tả và phân tích bằng các test thống kê Chi Square, hồi quy Logistic.

2.9. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu được thông qua Hội đồng đạo đức Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên số 754/ĐHYD-HĐĐĐ ngày 03/07/2023.

Đối tượng nghiên cứu được thông tin đầy đủ về mục đích, yêu cầu và nội dung nghiên cứu, chỉ tiến hành khi đối tượng nghiên cứu đồng ý. Không thu thập thông tin định danh cá nhân, các vấn đề liên quan đến cá nhân được tôn trọng và giữ bí mật, không ảnh hưởng đến đối tượng nghiên cứu.

3. Kết quả

Để mô tả thực trạng sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên, chúng tôi sử dụng bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên

Thực hành		Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Sinh viên đã từng quan hệ tình dục		188	26,4
Sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên	Có	137	72,9
	Không	30	16,0
	Không nhớ	21	11,1

* **Nhận xét:** Có 26,4% sinh viên đã từng quan hệ tình dục, trong đó 72,9% sử dụng các biện pháp tránh thai.

Trong số các sinh viên đã từng quan hệ tình dục, tỷ lệ các loại biện pháp tránh thai được sinh viên từng sử dụng được mô tả tại bảng 2.

* **Nhận xét:** Bao cao su, tính chu kỳ kinh/xuất tinh ngoài âm đạo là biện pháp tránh thai từng được lựa chọn nhiều nhất (100%), sau đó đến thuốc tránh thai khẩn cấp (61,7%). Thuốc diệt tinh trùng là loại biện pháp tránh thai được lựa chọn ít nhất (2,1%).

Bảng 2. Các biện pháp tránh thai sinh viên đã từng sử dụng (n = 188)

Biện pháp tránh thai	Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Bao cao su	188	100
Tính chu kỳ kinh/xuất tinh ngoài âm đạo	188	100
Thuốc tránh thai hàng ngày	37	19,7
Thuốc tránh thai khẩn cấp	116	61,7
Thuốc diệt tinh trùng	04	2,1
Các loại khác	09	4,9

Để mô tả mức độ/tần suất sử dụng biện pháp tránh thai, cũng như loại biện pháp mà sinh viên sử dụng thường xuyên nhất, chúng tôi sử dụng bảng 3.

Bảng 3. Loại biện pháp tránh thai được sử dụng thường xuyên

Biện pháp tránh thai	Số lượng (SL)	Tỷ lệ (%)
Mức độ sử dụng		
Thường xuyên	117	62,2
Không thường xuyên	71	37,8
Loại sử dụng thường xuyên nhất		
Bao cao su	135	71,8
Thuốc tránh thai hàng ngày	33	17,6
Thuốc tránh thai khẩn cấp	19	10,1
Thuốc diệt tinh trùng	1	0,5
Các loại khác	0	0

*** Nhận xét:** Có 62,2% thường xuyên sử dụng các biện pháp tránh thai. Bao cao su là biện pháp tránh thai được sử dụng thường xuyên nhất (71,8%), sau đó đến thuốc tránh thai hàng ngày (17,6%). Thuốc diệt tinh trùng là loại biện pháp tránh thai được lựa chọn ít (0,5%).

Để phân tích mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai, chúng tôi sử dụng bảng 4.

Bảng 4. Mối liên quan giữa đặc điểm cá nhân và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai

		Mức độ		Không thường xuyên (SL = 71)		Thường xuyên (SL = 117)		p
				SL	%	SL	%	
Giới tính	Nam giới (SL = 95)			43	45,3	52	54,7	< 0,05
	Nữ giới (SL = 93)			28	30,1	65	69,9	
Dân tộc	Kinh (SL = 124)			49	39,5	75	60,5	> 0,05
	Khác (SL = 64)			22	34,4	42	65,6	
Sống chung	Cùng cha mẹ/người thân (SL = 21)			20	95,2	01	4,8	< 0,05
	Không (SL = 167)			51	30,5	116	69,5	

*** Nhận xét:** Có mối liên quan giữa giới tính, sống chung với gia đình/người thân với mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai ($p < 0,05$).

Để phân tích mối liên quan giữa kiến thức sử dụng biện pháp tránh thai và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai, chúng tôi sử dụng bảng 5.

Bảng 5. Mối liên quan giữa kiến thức và mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai

Kiến thức	Sử dụng biện pháp tránh thai		Không thường xuyên (SL = 71)		Thường xuyên (SL = 117)		p	Tổng số (SL = 188)	
			SL	%	SL	%		SL	%
Không tốt			43	79,6	11	20,4	< 0,05	54	28,7
Tốt			28	20,9	106	79,1		134	71,3

*** Nhận xét:** Có mối liên quan giữa kiến thức với mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai ($p < 0,05$).

Để phân tích hồi quy logistic một số yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên, chúng tôi sử dụng bảng 6

Bảng 6. Phân tích hồi quy logistic một số yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên

Yếu tố	OR (95%CI) đơn biến	OR (95%CI) đa biến
Giới nam	1,92 (1,05 - 3,50)*	0,88 (0,36 - 2,15)
Sống cùng cha mẹ/người thân	9,3 (1,22 - 69,71)*	0,04 (0,01 - 0,33)
Kiến thức không tốt	14,80 (6,77 - 32,36)**	12,09 (4,53 - 32,29)**

Ghi chú: * $p < 0,05$, ** $p < 0,001$

* **Nhận xét:** Sinh viên có kiến thức không tốt có nguy cơ không thường xuyên sử dụng biện pháp tránh thai cao gấp 12,09 lần so với đối tượng còn lại.

4. Bàn luận

Kết quả nghiên cứu trên 711 sinh viên năm thứ ba ngành Y khoa cho thấy tỉ lệ sinh viên đã từng quan hệ tình dục là 26,4%. Trong đó, 72,9% có sử dụng các biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Minh Khang trên đối tượng sinh viên Y khoa năm thứ tư trường Đại học Trà Vinh, tỉ lệ sinh viên có sử dụng biện pháp tránh thai trong quan hệ tình dục lần đầu là 87,4% và nghiên cứu của Martinez trên đối tượng vị thành niên/ thanh niên Hoa Kỳ với tỷ lệ sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên ở nam là 89% và nữ là 78% [6], [7]. Kết quả của chúng tôi cao hơn nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong trên đối tượng sinh viên năm thứ nhất của 6 trường đại học tại Hà Nội, tỉ lệ sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên là 51,3% [8]. Sự khác nhau này có thể do lựa chọn đối tượng nghiên cứu. Nhìn chung, tỉ lệ sử dụng biện pháp tránh thai trên đối tượng sinh viên tương đối cao (đều trên 50%). So với đối tượng học sinh trung học phổ thông, nghiên cứu của Nguyễn Thúy Hà cho thấy tỉ lệ học sinh sử dụng biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên là 39,3% [3].

Kết quả tại bảng 2 cho thấy, bao cao su và tính vòng kinh/xuất tinh ngoài âm đạo là những biện pháp tránh thai mà sinh viên đã từng sử dụng nhiều nhất (100%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Hoque trên đối tượng sinh viên đại học ở Botswana, Nam Phi, tỷ lệ đã từng sử dụng bao cao su chiếm cao nhất ở nam là 97,1% và nữ là 97,8% [9]. Nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Phương trên đối tượng sinh viên ngành Y khoa, trong đó phần lớn đối tượng nghiên cứu là sinh viên năm thứ ba cũng chỉ ra kết quả tương tự nghiên cứu của chúng tôi, bao cao su là biện pháp tránh thai được sinh viên Y khoa Việt Nam đã từng sử dụng nhiều nhất (74,6%) [10].

Theo kết quả tại bảng 3, trong số sinh viên đã từng quan hệ tình dục có 62,2% sinh viên thường xuyên sử dụng các biện pháp tránh thai, kết quả này thấp hơn nghiên cứu của Hoque với tỷ lệ sử dụng thường xuyên các biện pháp tránh thai ở nam là 80,3% và nữ là 73,4% [9]. Bao cao su được nhóm sử dụng thường xuyên biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục lựa chọn nhiều nhất (71,8%), tiếp theo là sử dụng thuốc tránh thai hàng ngày (17,6%). Kết quả này phù hợp với nghiên cứu của Trần Quang Tuấn trên đối tượng sinh viên trường Đại học Điều dưỡng Nam Định khi cho rằng, bao cao su và thuốc tránh thai là những biện pháp tránh thai được sinh viên biết đến nhiều nhất với tỉ lệ lần lượt 98% và 78% [11]. Theo nghiên cứu của Nguyễn Thị Lan Phương, những lý do chính trong lựa chọn biện pháp tránh thai của sinh viên Y khoa Việt Nam là sự thuận tiện khi sử dụng (93,8%), không có tác dụng phụ (53,1%) và giá rẻ (37,9%) [10].

Kết quả phân tích hồi quy logistic về một số yếu tố liên quan đến thực trạng sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên cho thấy giới tính nam có tỉ lệ sử dụng thường xuyên các biện pháp tránh thai thấp hơn giới nữ, tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với $p > 0,05$. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong rằng giới tính không có mối liên quan tới việc thực hành sử dụng các biện pháp tránh thai ở sinh viên đại học với $p > 0,05$ [8]. Do đó, công tác truyền thông giáo dục về biện pháp tránh thai ở sinh viên nên tác động đồng đều trên cả hai giới. Sinh viên sống cùng cha mẹ/người thân có tần suất sử dụng biện pháp tránh thai thấp hơn so với nhóm không sống cùng cha mẹ/người thân, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($OR = 0,04$, 95%CI: 0,01-0,33; $p < 0,05$). Điều này có thể do việc ở cùng cha mẹ, người thân chưa phải là yếu tố cuối cùng quyết định mức độ sử dụng biện pháp tránh thai của sinh viên, có thể có một

hoặc nhiều yếu tố gây nhiễu khác. Đây cũng là cơ sở cần thiết có các nghiên cứu sâu hơn về mối liên quan đến mức độ, tần suất sử dụng biện pháp tránh thai ở sinh viên. Kết quả nghiên cứu của Nguyễn Minh Khang cho thấy đặc điểm nhân khẩu hiện tại (ở một mình, ở cùng ba mẹ, người thân) có sự khác biệt rõ rệt với hành vi quan hệ tình dục của sinh viên, các chỉ số đều có ý nghĩa thống kê với $p=0,02$ và $p=0,01$ [6]. Đồng thời, kết quả cũng cho thấy kiến thức về các biện pháp tránh thai có mối liên quan với mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai. Sinh viên có kiến thức không tốt có tỉ lệ không thường xuyên sử dụng biện pháp tránh thai cao hơn nhóm sinh viên có kiến thức tốt ($OR= 12,09$, $95\%CI = 4,53 - 32,29$, $p<0,001$). Như vậy đặt ra vấn đề cần thiết phải tăng cường can thiệp truyền thông giáo dục sức khỏe cho sinh viên.

Hạn chế trong nghiên cứu của chúng tôi đó là chỉ có đối tượng sinh viên năm thứ 3 ngành Y khoa mà không thực hiện được trên các đối tượng sinh viên khác. Trong tương lai, chúng tôi mong muốn sẽ thực hiện trên tất cả các đối tượng sinh viên, ở tất cả các chuyên ngành, thậm chí có thể thực hiện trên các đối tượng sinh viên của các trường thuộc khối Đại học Thái Nguyên nhằm có được kết quả khái quát đại diện cho tập thể đối tượng sinh viên.

5. Kết luận

Việc sử dụng các biện pháp tránh thai của sinh viên y khoa năm thứ 3 Trường Đại học Y Dược Thái Nguyên chưa thường xuyên.

Tỉ lệ sinh viên đã từng quan hệ tình dục là 26,4%, trong đó có 72,9% có sử dụng các biện pháp tránh thai trong lần quan hệ tình dục đầu tiên và 62,2% thường xuyên sử dụng các biện pháp tránh thai. Bao cao su được nhóm sử dụng thường xuyên biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục lựa chọn nhiều nhất (71,8%). Kiến thức sử dụng biện pháp tránh thai không tốt có mối liên quan với mức độ sử dụng các biện pháp tránh thai, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] [1] T. T. L. Vo, "Knowledge about contraceptions and related factors of students from the Faculty of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University in 2020," *Can Tho Journal of Medicine and Pharmacy*, no. 48, pp. 136-141, Nov. 2022.
- [2] H. P. Duong, M. T. Vo, and T. K. D. Le, "Knowledge and attitude of freshmen medical students about the current contraceptive methods at Ho Chi Minh City University of Medicine and Pharmacy," *Ho Chi Minh Journal of Medicine*, vol. 18, Supplement of No 1 - 2024, pp. 14-19, 2014.
- [3] T. H. Nguyen, K. H. Dam, and T. M. N. Dang, "Knowledge, attitude and practice on reproductive health care of high school students, Thai Nguyen city," *VMJ*, vol. 531, no. 2, pp. 411-415, Nov. 2023.
- [4] T. B. A. Pham, T. N. Q. Nguyen, V. G. Le et al., "Sex behavior before marriage and some related factors of first year students of the Health Division, Dai Nam University in 2022," *Journal of community medical*, vol. 64, no. 6, pp. 78-82, Oct. 2023.
- [5] T. T. H. Nguyen, T. T. T. Tran, and T. T. Le, "The situation of contraceptive use among women with unwanted pregnancies who come to have abortions at Hanoi Obstetrics & Gynecology Hospital in 2020 and some related factors," *VMJ*, vol. 520, no. 1A, pp. 73-78, Dec. 2022.
- [6] M. K. Nguyen, G. P. Tao, K. P. Vo et al., "Premarital sexual practice and associated factors (The case of fourth-year students at the School of Medicine and Pharmacy, Tra Vinh University, Vietnam)," *Tra Vinh University Journal of Science*, vol. 13, no. p.h 5, pp. 70-77, Apr. 2023.
- [7] Gladys M. Martinez and Joyce C. Abma, "Sexual Activity and Contraceptive Use Among Teenagers Aged 15-19 in the United States, 2015-2017," *NCHS Data Brief*, no. 366, pp. 1-8, May 2020.
- [8] T. P. Nguyen, "Research on knowledge, attitudes, and practices about contraceptive methods of students at some universities/colleges in Hanoi and the effectiveness of intervention solutions," M.D thesis, Hanoi Medical University, 2017.
- [9] M. E. Hoque, T. Ntsipe, and M. Mokgatle-Nthabu, "Awareness and practices of contraceptive use among university students in Botswana," *SAHARA J*, vol. 10, no. 2, pp. 83-88, 2013.
- [10] P. T. L. Nguyen and T. Q. Vo, "Medical students' knowledge, awareness, perceptions, and practice regarding contraceptive use in Vietnam," *Asian Journal of Pharmaceutics*, vol. 12, no. 1, pp. 81-89, 2018.
- [11] T. Q. Tran and T. H. N. Dao, "The status knowledge of nursing students about contraceptive methods at Nam Dinh University of nursing in 2022," *VMJ*, vol. 528, no. 2, pp. 278-281, Aug. 2023.